

Bản án số: 543/2020/HS-PT
Ngày: 10/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Thủy.**

Các Thẩm phán:

Bà Chủ Phương Ngọc.

Ông Phan Huy Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thủy - Kiểm sát viên.

- Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 405/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Quang H do có kháng cáo của Vũ Quang H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **VŨ QUANG H**, sinh năm 1986; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Q, huyện T, Hải Phòng; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Vũ Văn M; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T; Có vợ là Trần Thị Thu H; Có 01 con sinh 2008; Tiền án: không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/12/2019 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; (*Có mặt tại phiên tòa*).

Danh bản, chỉ bản số 10 do Công an quận Hai Bà trưng lập ngày 10/12/2019.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Minh Thành- Công ty Luật Hà Thành Asia, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00' ngày 07/12/2019, Vũ Quang H đi chơi ở khu vực gầm cầu Vĩnh Tuy, thì gặp một người bạn xã hội tên Hiếu(không biết rõ nhân thân, lai lịch). Hiếu cho Hải 01 túi nilon, bên trong chứa tinh thể màu trắng. H biết đây là loại ma túy đá. Hải đã cất gói ma túy đã vào túi áo khoác đang mặc với mục đích sử dụng cho bản thân.

Khoảng 01 giờ 15' ngày 11/12/2019, sau khi đi uống bia cùng Cao Kiên Cường tại khu vực quận Hoàn Kiếm, H và Cường đi bộ đến khu vực đầu phố Bà Triệu, bắt xe taxi biển kiểm soát 97A-033.08 do anh Lê Tuấn Tú điều khiển đi về hướng khu vực quận Hoàng Mai. Khi lên xe ô tô, Hải ngồi ở ghế sau (phía bên phụ), lấy gói ma túy trong túi áo khoác giấu vào hộc đựng đồ phía sau ghế phụ xe ô tô. Cao Kiên Cường ngồi ghế phụ phía trước.

Khi xe ô tô chở H và Cường đến khu vực ngã tư phố Bà Triệu - Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội thì bị tổ công tác công an phường Nguyễn Du kết hợp tổ công tác Y24/141, Công an thành phố Hà Nội dừng xe kiểm tra. Khi Công an kiểm tra, Cường đã tự giác giao nộp 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa thảo mộc khô. Tổ công tác kiểm tra phát hiện 01 túi nilon, bên trong chứa tinh thể màu trắng để tại vị trí hộc đựng đồ phía sau ghế phụ. Vũ Quang H đã xác nhận túi nilon là của H để vào khi lên xe ô tô. Tổ công tác đã lập biên bản, đưa đưa H, Cường cùng vật chứng về trụ sở giải quyết.

Tại Bản kết luận giám định số 7964/KLGD-PC09 ngày 19/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội kết luận: - Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon thu giữ của Vũ Quang H là ma túy Methamphetamine, khối lượng 0,269gam;

- Thảo mộc khô bên trong túi nilon thu giữ của Cao Kiên Cường là ma túy Cần sa, khối lượng 3,089gam. Tại cơ quan điều tra, Cường khai nhận số ma túy cần sa bị

thu giữ là Cường mua từ trước với mục đích sử dụng cho bản thân. Do khối lượng ma túy cần sa thu giữ của Cường chưa đến mức xử lý hình sự, nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Cường.

Đối với người đàn ông tên Hiếu cho H ma túy tại chân cầu Vĩnh Tuy. H khai chỉ biết tên, không biết địa chỉ, tên tuổi cụ thể, nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với anh Lê Tuấn Tú là người lái xe taxi Grab, biển kiểm soát 97A-033.08 chở Cường, Hải đêm ngày 11/12/2019: Quá trình điều tra xác định anh Tú không biết hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của H và Cường, nên cơ quan điều tra không xử lý.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 98/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tuyên bố: Vũ Quang H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Phạt: Vũ Quang H 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 11/12/2019.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo/
Ngày 26/5/2020 bị cáo Vũ Quang H đề nghị xem xét lại bản án vì nặng.

Tại cấp phúc thẩm gia đình và người bào chữa cho bị cáo đã nộp cho Tòa án Đơn của gia đình bị cáo trình bày bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có di rớt là liệt sỹ có xác nhận của UBND xã.

Tại phiên tòa: Bị cáo Vũ Quang H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi đánh giá tình chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo, sửa

một phần bản án hình sự sơ thẩm số 98/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội: Giảm một phần hình phạt cho bị cáo, phạt bị cáo từ 12 tháng đến 13 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ ốm đau, là lao động chính trong gia đình, có di ruột là liệt sỹ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hình thức*: Đơn kháng cáo của bị cáo, đúng về mặt chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về nội dung*: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm phù hợp lời khai người làm chứng, vật chứng đã thu giữ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 11/12/2019, bị cáo Vũ Quang H đã có hành vi cất giữ trái phép 0,269gam ma túy loại Methamphetamine trong người, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị bắt quả tang tại ngã tư phố Bà Triệu- Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hành vi trên của bị cáo Vũ Quang H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Quang H đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy*:

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Vũ Quang H là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thái độ khai báo thành khẩn, về

nhân thân bị cáo lần đầu phạm tội, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm có tình tiết mới, gia đình nộp đơn trình bày bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có di ruột là liệt sỹ có xác nhận của UBND xã đây là tình tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mặc dù có tình tiết mới nhưng hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp.

Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Quang H; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[4] *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Kháng cáo của bị cáo Vũ Quang H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Quang H;
Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt bị cáo Vũ Quang H 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/11/2019.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Vũ Quang H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm 98/2020/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- Chi cục T.H.A. DS Q. Hai Bà Trưng;
- TAND Q. Hai Bà Trưng
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ THỊ THU THỦY

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-HS:

(1) và (4) ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi Bản án hình sự phúc thẩm, ô thứ hai ghi năm ra Bản án hình sự phúc thẩm (ví dụ: 12/2017/HS-PT).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1) và họ tên của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) và (4). Nếu vụ án xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và ghi thêm cụm từ “và các bị cáo khác”. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(12) ghi địa vị pháp lý trong tổ tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(13) ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị (nếu có).

(14) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm.

(15) không ghi các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị, nhưng toàn bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa.

(16) và (17) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(18) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(19) nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị; nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ thì chỉ cần ghi “Ngoài ra còn có (số lượng) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”. Trường hợp vụ án chỉ có một bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi “Ngoài ra còn có bị cáo (họ tên) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”.

(20) và (21) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(22) nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ tên của người bào chữa và nghề nghiệp (Ví dụ: Trần Văn C là Luật sư; Trần Văn D là Bào chữa viên nhân dân).

(23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30) và (31) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(32) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(33) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định trong bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(34) trong phần này, ghi nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(35) tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(36) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(37) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

